TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2019/HNGĐ-ST
Ngày 10/ 10/ 2019
V/v : Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
N□ ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thanh Thủy.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Nguyễn Quang Khải.
2. Ông: Lò Văn Thương.

- Th- ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 10/10/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 252/2019/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 17/09/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị P, sinh năm 1988.
Trú tại: Bản N 5, xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh Lò Văn K, sinh năm 1990.
Trú tại: Bản N 5, xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

(*Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 25/7/2019 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, chị Lò Thị P (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh K có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nà Nhạn vào ngày 20/9/2007. Kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc từ khi kết hôn đến tháng 01/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh K uống rượu nhiều dẫn đến tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, thường xuyên đánh đập tôi, chúng tôi đã được hai bên gia đình và tổ hòa giải giải quyết nhưng mâu thuẫn không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng, chúng tôi đã sống ly thân từ ngày 20/7/2019, trong thời gian ly thân không đi lại và quan tâm đến nhau. Xét thấy tôi và anh K chung sống với nhau không có hạnh phúc, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh K.

2. Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung tên là Lò Văn T, sinh ngày 18/6/2008 và Lò Minh K1, sinh ngày 19/11/2014 hiện 02 cháu đang ở với tôi bên nhà bà ngoại. Quan điểm của tôi vợ chồng ly hôn tôi xin được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T cho đến khi trưởng thành và có khả năng lao động. Còn anh K nuôi cháu Lò Minh K1 cho đến khi trưởng thành. Việc cấp dưỡng nuôi con chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản: Tài sản riêng: Không có.

Tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về; diện tích đất ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 08/8/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Lò Văn K (bị đơn) trình bày nh sau:

1. Về hôn nhân: Tôi và cô P lấy nhau có đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Nà Nhạn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên vào ngày 20/9/2007. Quá trình chung sống hai vợ chồng không có gì gọi là mâu thuẫn trầm trọng, chỉ có những mâu thuẫn nhỏ, đó là cách dạy bảo con cái của hai vợ chồng khác nhau, đôi lúc tôi cũng được tát cháu vài cái khi cháu không nghe lời. Còn vợ tôi vì thương con nên không đồng ý với việc giáo dục con của tôi cho nên hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhỏ vặt. Tôi thấy tình cảm vợ chồng giữa tôi và cô P vẫn bình thường. Tôi rất thương yêu vợ, con, vì các cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc, giáo dục của cả cha và mẹ thì các cháu mới phát triển bình thường được, chính vì thế mà tôi mong Tòa án xem xét bác đơn yêu cầu khởi kiện của cô P để hai vợ chồng và con cái được quay lại đoàn tụ.

2. Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung tên là Lò Văn T, sinh ngày 18/6/2008 và cháu Lò Minh K1, sinh ngày 19/11/2014. Nếu hai vợ chồng không quay lại đoàn tụ được thì tôi có nguyện vọng được nuôi cháu Khôi, không yêu cầu cô P phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng tôi.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về; diện tích đất ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 29/8/2019, chính quyền địa phương xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên cung cấp như sau:

Chị Lò Thị P và anh Lò Văn K đăng ký kết hôn tại UBND xã Nà Nhạn, huyện Điện Biên vào ngày 20/9/2007. Cả hai anh chị đều có hộ khẩu tại Bản N 5, xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Trong quá trình chung sống với nhau chị P và anh K có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh K thường xuyên uống rượu về nhà hành hạ vợ con dẫn đến bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau, hai vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải và tổ hòa giải của Thôn, bản giải quyết nhưng mâu thuẫn không giải quyết được, ngày càng trầm trọng. Chị P làm đơn ra Tòa án để đề nghị giải quyết ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị P và anh K có 02 con chung là cháu Lò Văn T, sinh ngày 18/6/2008 và cháu Lò Minh K1, sinh ngày 19/11/2014. Để đảm bảo cho các cháu nên việc giao các cháu cho ai chăm sóc, nuôi dưỡng cần xem xét vào điều kiện, hoàn cảnh phù hợp để cho các cháu được phát triển tốt về mọi mặt. Đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ Điều 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Tòa án chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của chị P được ly hôn với anh K.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Lò Văn T, sinh ngày 18/6/2008 và Lò Minh K1, sinh ngày 19/11/2014. Căn cứ Điều 69, 81, 82, 83, 84 luật hôn nhân gia đình 2014 đề nghị HĐXX giao cháu Lò Văn T cho chị P chăm sóc nuôi dưỡng. Giao cháu Lò Minh K1 cho anh K chăm sóc nuôi dưỡng. Không ai yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng: Không có; Tài sản chung; nợ phải trả; Nợ lấy về; Diện tích ruộng, nương: Chị P và anh K không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Đề nghị HĐXX miễn án phí DSST cho chị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" giữa chị Lò Thị P và anh Lò Văn K thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân huyện Điện Biên được quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh K được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đầy đủ các qui định của pháp luật về điều kiện kết hôn và nghi thức kết hôn do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh K là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh K thường xuyên đi uống rượu say về nhà đánh vợ, con dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh chị đã hai lần được tổ hòa giải của bản hòa giải vào ngày 05/02/2018 và ngày 22/7/2019 cả hai biên bản hòa giải đều thể hiện anh K đánh vợ, con và hứa sẽ không mắc lỗi lầm lần nữa nhưng sau mỗi lần hòa giải anh K vẫn tiếp tục tái phạm. Chị P đã về nhà bố mẹ đẻ ở và sống ly thân từ ngày 20/7/2019 cho đến nay. Chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên xin ly hôn. Anh K không đồng ý ly hôn, anh cho rằng trong cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn lớn, chỉ có những mâu thuẫn nhỏ, tình cảm giữa anh và chị P vẫn bình thường, không có gì mâu thuẫn, anh đề nghị Tòa án hòa giải để hai vợ chồng quay về đoàn tụ. Tòa án đã mở phiên hòa giải để phân tích, hòa giải hàn gắn hạnh phúc gia đình giữa chị P và anh K nhưng không có kết quả, chị P cương quyết xin ly hôn. Ngoài ra theo xác minh tại địa phương cho biết chị P và anh K đã sống ly thân từ tháng 7/2019 cho đến nay, nguyên nhân do anh K thường xuyên uống rượu say về nhà đánh vợ con, tổ hòa giải của thôn, bản đã hai lần hòa giải nhưng không có kết quả. Hội đồng xét xử xét thấy trong cuộc sống vợ chồng giữa anh K và chị P đã không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong công việc gia đình, anh K còn có hành vi bạo lực gia đình cụ thể là hai biên bản hòa giải của thôn, bản từ đó dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được do vậy nguyện vọng xin ly hôn của chị P là phù hợp với qui định tại điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P.

[2.2] . Về con chung: Chị P và anh K có hai con chung là cháu Lò Văn T, sinh ngày 18/6/2008 và cháu Lò Minh K1, sinh ngày 19/11/2014. Chị P có nguyện vọng xin được nuôi cháu T, còn cháu Khôi giao cho anh K chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại bản tự khai và tại các phiên hòa giải anh K có nguyện vọng được nuôi cháu Khôi. Vì lý do cháu T đã trên 7 tuổi nên Tòa án đã triệu tập cháu T lên để hỏi ý kiến, cụ thể là tại bản tự khai ngày 30/8/2019 của cháu T, thì cháu có nguyện vọng xin được ở với mẹ. HĐXX xét thấy việc giao con chung cho ai nuôi cần phải xem xét nguyện vọng và quyền lợi về mọi mặt của các con. Do vậy nguyện vọng của chị P, anh K, cháu T là phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình HĐXX chấp nhận nguyện vọng của chị P,

anh K và cháu T. Giao cháu T cho chị P chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động ; Giáo cháu Khôi cho anh K chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động và có tài sản để tự nuôi mình hoặc cho đến khi có thay đổi khác. Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm con không ai được cản trở.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P và anh K, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về tài sản: Trong quá trình giải quyết vụ án chị P và anh K đều thống nhất thỏa thuận: Tài sản riêng: Không có; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về; Diện tích ruộng, nương: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

[2.5].Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS. Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định thì chị Lò Thị P và anh Lò Văn K là dân tộc thiểu số cư trú tại thôn, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 900/QĐ-TTg, ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ, nên chị P được miễn án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 235; 264 và 267 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 70, 71, 72, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chị Lò Thị P được ly hôn với anh Lò Văn K.

2. Về con chung:

- Giao cháu Lò Văn T, sinh ngày 18/06/2008 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động, có tài sản để tự nuôi mình hoặc cho đến khi có thay đổi khác.

- Giao cháu Lò Minh K1, sinh ngày 19/11/2014 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động, có tài sản để tự nuôi mình hoặc cho đến khi có thay đổi khác.

Việc cấp dưỡng nuôi con chị P và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản: Tài sản riêng: Không có; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về; Diện tích ruộng, nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS. Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định thì chị Lò Thị P và anh Lò Văn K là dân tộc thiểu số cư trú tại thôn, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 900/QĐ-TTg, ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ, nên chị P được miễn án phí Dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (10/10/2019)./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện ĐB;
- Chi cục THA huyện ĐB;
- Các đương sự;
- UBND xã Nà Nhạn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thanh Thủy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA	HỘI THẨM NHÂN DÂN
Nguyễn Quang Khải	**Vũ Thị Thanh Thủy**	**Lò Văn Thương**